

**Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM
PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ**
(kèm theo Công văn số 278/PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

附录一：机构、组织、单位负责人履行消防与救护救难职责指南
(随附 PC07 部门日期 2021/04/13 编号 278/PC07-CTPC 的公文)

**I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ**

机构、组织、单位负责人履行消防与救护救难职责指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (Nghị định số 136/2020/NĐ-CP), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (Nghị định số 83/2017/NĐ-CP) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (Thông tư số 149/2020/TT-BCA), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (Thông tư số 08/2018/TT-BCA) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

机构、组织、单位（单位）负责人的消防与救护救难职责获规定于消防法第 5 条，详细规定于政府日期 2020/11/24 编号 136/2020/NĐ-CP 规范消防法若干条款细则及执行措施的议定和消防法若干条款修改补充法（第 136/2020/NĐ-CP 号议定）、政府日期 2017/7/18 编号 83/2017/NĐ-CP 规范消防力量救护救难工作的议定（第 83/2017/NĐ-CP 号议定）、公安部日期 2020/12/31 编号 149/2020/TT-BCA 规范消防法若干条款实施细则及执行措施的通知和消防法若干条款修改补充法和政府日期 2020/11/24 编号 136/2020/NĐ-CP 规范消防法若干条款细则及执行措施的议定和消防法若干条款修改补充法（第 149/2020/TT-BCA 号通知）、公安部日期 2018/ 3/05 编号 08/2018/TT-BCA 规范日期 2017/7/18 编号 83/2017/NĐ-CP 关于规范消防力量救护救难工作的议定若干条款细则的通知（第 08/2018/TT-BCA 通知）以及其他相关法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (người đứng đầu cơ sở)



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根据消防法的规定和机构、组织、单位的规模、运作性质、干部和员工人数、负责人（单位负责人），直接落实或对辖下个人、单位分配履行消防与救护救难工作的职责、任务，具体如下：

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH; xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH (căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC; khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

组织宣导、普及消防与救护救难知识；建立全民参与消防与救护救难活动的运动（法律依据：消防法第5条第3款a点、第6条第2款，第83/2017/NĐ-CP号议定第7条第2款）。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

制定年度计画（参考 06 号表）和批准组织消防与救护救难法律、知识宣导、普及的经费。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣导工作应由单位自办或请公安部门、消防业务训练指导服务机构进行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy, nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH; tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC, CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH... được trang bị tại cơ sở.

宣导的内容必须合乎单位的对象，以及火灾爆炸的危险性质，并且集中于若干内容如下：消防与救护救难的法律规定；火灾爆炸危险性质和特点，以及防范火灾、爆炸、事故、意外的措施；消防与救护救难的内规；逃生、救援的常识和技能，使用单位内配备的消防与救护救难等工具、设备的技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透过以下形式组织全民参与消防与救护救难的运动活动：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

开展全单位消防与救护救难竞赛活动；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC, phòng ngừa sự cố, tai nạn;



组织单位内各部门之间的竞赛，包括确保消防安全和预防事故、意外的承诺；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10), Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

组织活动响应全民消防日（10月4日），一年一度的劳动卫生安全行动月。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在单位文件和资料中更新全民消防与救护救难活动的宣导与开展结果。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành (căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理、保障基层及专业消防力量的运作条件（法律依据：第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 5 条第 2 款、第 31 条第 1 款、第 2 款及第 3 款）

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02) và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

发布第 136/2020/NĐ-CP 号议定附录三所列单位的基层及专业消防队成立决定书（参考 02 号表）和运作规制（参考 03 号表），第 136/2020/NĐ-CP 号议定附录四所列单位的消防与救护救难规定文件及职责、任务分配文件（参考 04 号表）。注意：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必须建立基层消防队的主体包括：工业区、加工出口区、高新技术区、面积 50 公顷以下的产业群聚；第 136/2020/NĐ-CP 号议定附录三中规定的单位。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必须设立专业消防队伍的主体包括：消防法第 44 条第 3 款和第 149/2020/TT-BCA 号通知第 13 条规定的单位。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不需要建立基层消防队的主体包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).



第 136/2020/NĐ-CP 号议定附录四规定的单位（必须向该单位的工作人员分配消防与救护救难任务）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 31 条第 3 款 g 点规定的自动运转变压站。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

基层和专业消防队的任务分配，必须符合消防法第 45 条、第 83/2017/NĐ-CP 号议定第 27 条的规定以及单位内的消防与救护救难的要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基层及专业消防队的安排与运作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

根据单位内的工作人数安排基层和专业消防力量，并必须确保第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 31 条第 3 款规定的最低人数。注：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

如果一个单位有多个独立的车间和部门，经常工作人数在 100 人以上，则每个部门或车间应有一个基层、专门消防组；消防组的编制至少为 05 人，其中包括 01 名组长（消防组的设立必须在单位负责人发布的决定、运作规制中载明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới.

单位配备机动消防器材的，基层和专业消防队伍的人员配置必须保证根据机动消防工具的数量保持执勤人数。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở: Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防组成员、被交付单位内消防任务的人：是在单位中连续工作的人员；符合劳动法规定的年龄和健康要求；具有消防与救护救难专业训练证明等等。



- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.

基层、专业消防队以专职或非专职形式运作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH

灭火与救护救难常设组织

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排地点（站/室），保证足够供人、消防与救护救难工具、器材值班和工作的最小面积。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyên công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

具有用于执勤、接收火警、事故、意外信息的工具、设备，如：桌子、椅子、电话、对讲机；相关个人和单位的电话簿；单位内的交通图、消防水源、项目及技术路线图；单位消防计划和就难救护计划等等。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ: Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班人员人数必须确保以下任务的完成：直接接收和处理资讯；消防值班、救护救难值班；单位配备机动消防工具的，值班人数必须符合机动消防工具规定的人数。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

值班人数和工具的分配、交接班等事宜，都需要清楚地记录在笔记本上。

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期检查并健全基层、专业消防队及负责单位内消防任务的人员，确保符合规定的数量（在决定书里面记载）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基层、专业消防队的决定和操作规程，应报直接管理该单位的公安机关备案，并在单位消防与救护救难活动追踪管理资料中存档。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH (căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

颁布消防与救护救难内规和措施（法律依据：第 149/2020/TT-BCA 号通知第 5 条第 1 款、第 08/2018/TT-BCA 号通知第 5 条）

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

发布消防与救护救难内规（参考 05 号表），内容必须符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

规范与单位相适应的电力、火源、热源、易燃易爆物品、生火、发热设备和工具的管理和使用。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 và TCVN 3890.

规范消防设备和工具的管理、保管和维护责任及使用规定，依据 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 号通知和 TCVN 3890。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根据消防法第 13 条规范被禁止的行为。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

被禁止的行为，按照第 83/2017/NĐ-CP 号议定第 6 条执行。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy..., căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

发生火灾、爆炸时应采取的措施：火灾警报、灭火等工作，按照消防法第 14 条执行。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

发生事故、意外时的操作程序，按照第 83/2017/NĐ-CP 号议定第 13 条第 1 款执行。

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ (Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救护救难设备、工具、用具的保管和使用（第 83/2017/NĐ-CP 号议定第 29 条）。

Lưu ý:

注意:

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防与救护救难内规可以一份内规发布或发布成每一份内规。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...) thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

如果一个单位有多个具有不同火灾爆炸危险的区域或项目（停车场、购物中心、办公室、工厂、仓库等），则规定的内容必须适合每个项目或区域的特点（发布 01 份决定，随附每个项目和区域的内规）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

如果一个单位有多个机构和组织共同运作：单位负责人颁布并组织实施共同的消防和救护救难规定；单位内机构、组织的负责人负责执行单位内规，并发布符合辖区的内规。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

发布有关消防的指示图；消防与救护救难禁止标志、警示标志、指示标志，确保符合第 149/2020/TT-BCA 号通知第 5 条第 2 款、第 3 款规定的内容。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH:

组织实施消防与救护救难安全内规、指示图、禁止标志、警示标志、指示标志：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

向单位干部和员工宣导内规、规定。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

张贴在显眼的地方，供大家获悉和遵守，包括：张贴在饭店客房和公寓（房间门）的消防说明；在道路和紧急出口的隐蔽或交叉位置；在生产、储存、使用爆炸物品、汽油、石油、液化石油气和易燃易爆化学品的场所，设置消防与救护救难的禁止标志、警示标志、指示标志。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.

决定书和内规文件均在单位消防与救护救难活动追踪与管理资料中保存。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH (Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

组织实施、检查和监督消防与救护救难规定的遵守情况（法律依据：消防法第45条，第136/NĐ-CP号议定第16条第3款，第83/2017/NĐ-CP号议定第12条第1款，第149/2020/TT-BCA号通知第8条）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

对所管辖的单位发布消防与救护救难定期安全检查计划或规定（参考 06 号表）。其中，需要根据单位内的特点，明确规定消防时常检查、救护救难定期和不定期检查的时间、形式和内容，分配予单位、个人执行的职责和任务，违规行为的制裁，奖励、纪律等。

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

被分配任务的人有责任根据经批准的规定和计划，组织检查，即：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra.

准备文件、材料和工具、设备，消防系统和设备试验，以供检查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

进行检查第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 16 条第 2 款规定的消防安全条件，以及第 83/2018/NĐ-CP 号议定规定的事故、意外防范措施维持情况。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra.

记录检查结果



EVERWIN
SERVICE GROUP
恒利服務集團

23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07). Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

检查结束时,进行结果综合,评估优点及消防安全隐患、事故、意外,以记录表或检查记录文件记录检查结果等(参考 07 号表)。其中,检查结果要体现以下基本内容:

- Phạm vi được kiểm tra;

检查范围;

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có), đề xuất các biện pháp thực hiện;

记录和评估消防、事故、意外中存在的问题和不安全风险(如有),并提出实施措施;

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相关内容(如有)。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

检查结束:被分工检查的人必须向直属单位领导、单位领导汇报检查结果,让其知悉,并指导改善缺陷和违规行为。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

根据本议定第 16 条第 3 款 b 点的规定,定期每六个月对第 136/2020/NĐ-CP 号议定附件三规定的单位制定消防安全检查结果报告报送直属公安部门,其含以下基本内容:

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

消防与救护救难安全条件维持的自行检查结果;

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

有权机关的要求和建议事项执行结果;

- Các nội dung khác (nếu có).

其他内容(如有)。



4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH.

检查结果、检查结果报告在消防与救护救难活动追踪管理资料中保存。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC

保障消防与救护救难活动的经费；消防工具配备和运作维持

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

预估并批准年度经费来源，以确保单位的消防活动，即：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配备、维修、修理及更换单位内受损的消防与救护救难的系统和设备。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

根据公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 号通知的规定，为基层消防队、专业消防队配备消防工具。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根据第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 号联合通知的规定，保障基层消防队队员的制度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

组织宣传，造就全民参与消防与救护救难的运动；消防和救援行动训练；制定消防计画、救援计画并组织演练；组织进行灭火、救援及其他与火灾预防、救援有关的活动。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定并实施消防与救护救难的方案（法律依据：第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 19 条第 1、2 和 4 款以及第 149/2020/TT-BCA 号通知第 9 条第 1 款；第 83/2017/NĐ-CP 议定第 9 条第 1 款、3 款和 4 款以及随附的 04 号表）



6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修订和补充消防方案

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照规定的形式和内容制定单位的消防方案，假设最复杂的情况和适合单位的典型情况，例如：地下室、高层、火灾爆炸高风险区域、.....：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

对于第 136/2020/NĐ-CP 号议定附件四规定的单位：建立和批准单位的消防方案（第 149/2020/TT-BCA 号通知第 9 条第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

对于第 136/2020/NĐ-CP 号议定附录三规定的单位：组织制定、批准方案并准备文件，以请求直辖公安部门（消防与救护救难警察处或县级公安部门）批准。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định.

当火灾、爆炸、毒性及与消防活动有关的条件发生规模、性质、特点的变化时，对方案进行补充和整理，并按规定履行方案的批准程序。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

救护救难方案制定、整理和补充

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

根据规定的格式和内容，制定救护救难方案，假设单位内最复杂、最典型的事件和事故情况；组织审批该方案。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

当可能发生的事件和事故的性质、特征以及与救护救难活动有关的条件发生变化时，对方案进行补充和修改。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:



宣导和组织方案实习：

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV (thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

(透过宣传会、专业培训.....) 向基层消防队和干部、员工宣导经批准的方案；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

制定计划（参考 06 号表），确保拥有经费及实习方案的条件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

举办方案实习：消防方案定期至少一年一次；救护救难方案至少每两年一次；当地举办的政治、经济、文化、社会等特殊活动，因确保消防安全要求而突然举办。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

每次演练消防方案时，可以演练一种或多种不同的情况，但必须确保方案中的所有情况都依序演练。方案中的力量和工具被召集的，必须充分参与。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

演练结束后，要总结经验，并整理方案演习结果的报告（见 08 号表）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

方案的管理和使用：

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

单位的消防与救护救难方案、方案演习计划、方案演习结果报告直接发至直辖公安部门。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

方案、计划、方案演习结果报告在单位内消防与救护救难活动追踪管理资料中存档。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被公安部门动员参与其他单位的消防与救护救难方案演练时，予以出席。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防与救护救难业务训练和培养 (法律依据：第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 33 条，第 83/2017/NĐ-CP 号议定第 11 条)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定计划（见 06 号表），确保拥有经费为直属对象举办消防与救护救难业务训练培养的条件。注意：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

关于消防：第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 33 条第 1 款规定的对象。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

关于救护救难：基层和专业消防力量，以及被要求的其他对象（第 83/2017/NĐ-CP 号议定第 11 条第 1 款）。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

提请公安部门或经确认符合资格从事消防服务的消防业务训练与指引单位举办训练。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如请公安部门训练：按照第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 33 条第 5 款 b 点和第 8 款制作申请文件，并发给公安部门。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

如请单位训练，根据第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 33 条第 5 款 a 点的规定制作申请文件，并发给单位。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.



当所管理的个人的消防与救护救难业务训练证书被损坏、遗失时，单位或个人根据第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 33 条第 6 款、7 款和 8 款的规定制作证书重发、变更之申请文件。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、统计消防与救护救难业务训练和培养工作（参考 01 号表）；业务训练证书颁发决定书或业务训练证书影本在单位内消防与救护救难活动追踪管理资料中存档。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH

举办灭火和救护救难

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114; sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

当发生火灾、爆炸、事件或事故时，发现者必须迅速通知周围所有人和单位领导者灭火和救护救难，并拨打电话 114 通知消防警察部队；利用现场工具和设备进行灭火与救护救难。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

消防与救护救难指挥官：基层、专业消防队队长；单位负责人（消防与救护救难警察未到达时）有任务指挥单位消防力量执行以下工作：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn. Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

指导火灾、爆炸、事件、事故区域里的人疏散到安全区域去。如有人受伤，优先救人，移至安全区去。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切断电源并调配力量和工具进行灭火救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果基层消防力量在消防警察抵达前已经完成灭火和救援，单位必须立即通知消防与救护救难警察。



8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm:

消防警察力量到达现场时，在单位内灭火的指挥官必须提供资讯，汇报情况及单位灭火救援的工作。届时，单位力量有责任：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

接到请求时，安排合适人员参与消防参谋委员会。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

按照消防警察指挥官的分工安排，执行灭火与救援任务。

8.4. Báo cáo vụ cháy, nỏ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

整理灭火爆炸之报告，发给直属公安部门或上级机构、组织（参考 08 号表）。

9. Thực hiện một số quy định khác

执行其他规定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

投资建设中的消防责任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

单位运营过程中，当实行建设新的工程时或改造或变更使用性质或增加单位规模影响到第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 11 条规定的消防安全要求之一时，必须：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

对于第 136/2020/NĐ-CP 号议定附录五规定的工程。

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按照规定编制消防设计文件并报消防警察机构核准（第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 13 条第 4 款和第 6 款）。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

组织施工，确保建筑工程的消防安全；组织消防验收，并将请求消防验收的材料送交原批准的消防警察机关（第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 15 条第 2 款和第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

对于不属于第 136/2020/NĐ-CP 号议定附录五的工程：编制消防设计文件，按照规定组织鉴定、施工和消防验收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落实消防与救护救难的安全条件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在单位投入运作之前落实消防与救护救难的安全条件，并在整个运作过程中予以维护。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

属于消防管理的机构必须具备第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 5 条第 1 款、第 2 款和第 83/2017/NĐ-CP 号议定规定的消防与救护救难安全条件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

单位拥有机动车辆的，则车辆必须保持第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 8 条规定的条件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服务机构必须维持第 136/2020/NĐ-CP 号议定第 41 条规定的条件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

注：如果一个单位有多个机构和组织一起运营，则该机构或组织的负责人负责执行该单位的共同条件。在一个单位内运作的机构和组织必须确保其管理下的消防与救护救难的安全条件。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần, nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

编制追踪和管理单位消防与救护救难的文件，确保符合第 149/2020/TT-BCA 号通知第 4 条和第 08/2018/TT-BCA 号通知第 9 条规定的组成部分和内容，按照规定更新和补充文件。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根据 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 号通知（取代第 52/2014/TT-BCA 号通知）和越南标准 TCVN 3890 的规定，对消防与救护救难车辆进行定期保养。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期进行接地和防雷电阻测量；按规定对承压设备进行技术检验（功能单位按规定记录结果或出具证明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

向直辖公安部门发文通知变更和调整内容（参考 08 号表）。

~ 恒利翻译，仅供参考 ~